

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **111/2023/DS-ST**

Ngày: 27/9/2023

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự về  
vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Tấn Kiệt

2. Bà Lê Thị Ngọc Bích

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương:** Ông Phan Minh Giữ- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1972, (vắng mặt).

*Địa chỉ:* Tổ 19, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

*Đại diện theo giấy ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1964, (có mặt).

*Địa chỉ:* Tổ 10, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

*Bị đơn:* Bà Thân Thị Ng, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 15, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà của nguyên đơn bà Trần Thị K và đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:* Bà K và vợ chồng ông L bà Ng là chỗ quen biết. Ngày 25/8/2021 ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng có hỏi vay bà K số tiền 100.000.000<sup>d</sup> để giải quyết công việc gia đình, khi vay bà Ng có giao cho bà K giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 cho bà Thân Thị Ng ông Đỗ Văn L đứng tên. Khi vay có làm biên nhận và có thỏa thuận lãi 2%/tháng. Vợ chồng ông L bà Ng đã đóng lãi cho bà từ khi vay đến ngày 25/02/2022 được số tiền 18.000.000<sup>d</sup>, trong đó ông L trực tiếp đưa cho bà K số tiền 4.000.000<sup>d</sup>, số tiền lãi còn lại do bà Ng đóng.

Nay bà K yêu cầu vợ chồng ông L bà Ng trả tiền gốc 100.000.000<sup>d</sup> và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 26/02/2022 đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày làm biên nhận ngày 25/8/2021 đến ngày xét xử.

*Theo bản tự khai và những lời khai tại Tòa bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày:* Ông thừa nhận vợ chồng ông có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị K. Trong thời gian mùa dịch vợ ông tên Thân Thị Ng và bà Trần Thị K có đến nhà ông nhờ ông ký tên vào biên nhận vay tiền và bà Ng có giao cho bà K giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 cho bà Thân Thị Ng ông Đỗ Văn L đứng tên. Khi đó ông cùng vợ ông có ký, ghi họ tên Đỗ Văn L, Thân Thị Ng trong biên nhận ngày 25/8/2021 vay số tiền 100.000.000<sup>d</sup>, ông có đưa trực tiếp cho bà K số tiền 4.000.000<sup>d</sup> nhưng ông không biết là tiền gốc hay tiền lãi và vợ ông có đóng lãi cho bà K được số tiền 14.000.000<sup>d</sup>, tổng cộng số tiền 18.000.000<sup>d</sup>. Ông yêu cầu Tòa án xem xét số tiền đã đóng cho bà K.

Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 cho bà Thân Thị Ng ông Đỗ Văn L đứng tên bà K đang giữ, ông đồng ý giao cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để trả nợ cho bà K. Nay ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà K số tiền 100.000.000<sup>d</sup>, ông yêu cầu Tòa án xử lý số nợ theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Thân Thị Ng (là vợ của ông Đỗ Văn L) không còn sinh sống tại địa phương, Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng.*

*Phát biểu của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng phải trả nợ vay gốc số tiền 100.000.000<sup>d</sup> và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét án phí dân sự sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng có nơi cư trú tại: Tổ 15, Khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa bà Trần Thị K và vợ chồng ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng có giao dịch dân sự vay tiền với nhau. Ông L thừa nhận có vay số tiền 100.000.000<sup>d</sup> của bà K, các đương sự có làm giấy biên nhận với nhau vào ngày 25/8/2021. Ông L thừa nhận chữ ký, viết họ tên vào biên nhận do ông và bà Ng là đúng sự thật, các bên đương sự có thỏa thuận lãi là 2%/tháng. Từ khi vay cho đến nay ông L bà Ng đã đóng lãi cho bà K được số tiền 18.000.000<sup>d</sup>, trong đó ông đưa trực tiếp cho bà K số tiền 4.000.000<sup>d</sup>, số tiền còn lại do bà Ng đưa trực tiếp cho bà K. Nay ông L thừa nhận vợ chồng ông chưa trả được tiền gốc đồng nào và còn nợ bà K tiền gốc số tiền 100.000.000<sup>d</sup>. Ông L, bà K đều khai khi vay tiền bà Ng có giao cho bà K giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 cho bà Thân Thị Ng, ông Đỗ Văn L đứng tên để làm

tin. Nay ông L đồng ý trả nợ vay cho bà K theo quy định pháp luật và đồng thời yêu cầu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà K đang giữ nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ trả cho bà K.

[4] Xét yêu cầu của bà K yêu cầu vợ chồng ông L bà Ng trả nợ vay gốc số tiền 100.000.000<sup>d</sup> và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử là có sở xem xét. Bởi lẽ, giữa bà K và vợ chồng ông L bà Ng có giao dịch dân sự vay tiền với nhau, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ ngày 25/8/2021 và bị đơn ông L cũng đã thừa nhận có vay tiền của bà K số tiền 100.000.000<sup>d</sup>, biên nhận nợ ngày 25/8/2021 là do chính ông L bà Ng ký tên, ghi họ tên vào biên nhận và ông cũng đồng ý trả số nợ này cho bà K. Do đó, hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng ông L bà Ng phải có nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 100.000.000<sup>d</sup> cho bà K là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về tiền lãi: Bà K yêu cầu vợ chồng ông L bà Ng trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 100.000.000<sup>d</sup> kể từ ngày 25/8/2021 đến ngày xét xử là có cơ sở. Bởi vì, khi vay tiền bà K, ông L, bà Ng có thỏa thuận lãi suất với nhau trong biên nhận ngày 25/8/2021 và ông L cũng thừa nhận từ khi vay đến nay vợ chồng ông L bà Ng có đóng lãi cho bà K được số tiền 18.000.000<sup>d</sup> và phía bà K cũng thừa nhận có nhận tiền lãi vợ chồng ông L bà Ng đóng là 18.000.000<sup>d</sup>. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà K về yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 20%/năm, theo đó lãi suất được tính như sau: Lãi suất tính từ 25/8/2021 đến ngày 27/9/2023 là 25 tháng 02 ngày cụ thể:  $[(25 \text{ tháng} \times 1,66\% \times 100.000.000^d = 41.500.000^d) + (02 \text{ ngày} \times 0,055\% \times 100.000.000^d = 110.000^d)] = 41.610.000^d$ . Như vậy, bà K đã nhận tiền lãi từ vợ chồng ông L bà Ng số tiền 18.000.000<sup>d</sup> nên vợ chồng ông L bà Ng còn phải trả tiền lãi cho bà K là 23.610.000<sup>d</sup> ( $41.610.000^d - 18.000.000^d$ ).

[6] Trong quá trình giải quyết bà K, ông L đều thừa nhận khi giao dịch dân sự vay tiền với nhau, bà Ng có giao cho bà K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 do bà Thân Thị Ng, ông Đỗ Văn L đứng tên đề làm tin. Ông L yêu cầu giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi trả nợ cho bà K và phía nguyên đơn không có yêu cầu nào liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Hội đồng xét xử nhận thấy không xem xét yêu cầu này của các đương sự.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K và buộc vợ chồng ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc lãi số tiền là 123.610.000<sup>d</sup> (Trong đó tiền gốc là 100.000.000<sup>d</sup>, tiền lãi là: 23.610.000<sup>d</sup>) cho bà Trần Thị K.

[7] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 463; 466 và khoản 1, 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.  
Tuyên xử:

1/ Buộc ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc lãi số tiền là 123.610.000<sup>d</sup> (Trong đó: tiền gốc là 100.000.000<sup>d</sup>, tiền lãi là: 23.610.000<sup>d</sup>) cho bà Trần Thị K.

Buộc bà Trần Thị K giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812289 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 08/10/2004, được chỉnh lý ngày 15/10/2019 do bà Thân Thị Ng, ông Đỗ Văn L đứng tên cho bà Ng ông L sau khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đỗ Văn L bà Thân Thị Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.180.500<sup>d</sup> (Sáu triệu, một trăm tám mươi nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.500.000<sup>d</sup> (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007018 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương cho bà Trần Thị K.

3/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2023); Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Mai**